TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2021
Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Đức Lợi, bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tống Thị T, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu TT tại: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Tổ 15, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy L, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu TT tại: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện tại: ul. Litomericka 238/34, Bilina, Cộng Hòa Séc.

(Chị T, anh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Tống Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Duy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/10/2013. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2016, anh L sang Cộng hòa Séc để làm việc nên hai vợ chồng không thường xuyên chia sẻ được với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 2 con chung là Phạm Duy A sinh ngày 30/8/2014, Phạm Thị B sinh ngày 25/9/2015 hai con đang ở với chị. Chị và anh L đã thống nhất thỏa thuận chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh L.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Duy L trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V vào ngày 12/10/2013. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Năm 2016, anh sang Cộng hòa Séc nên tình cảm nhạt dần, nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Phạm Duy A sinh ngày 30/8/2014, Phạm Thị B sinh ngày 25/9/2015 hiện đang ở với chị T. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu tại tỉnh Thái Bình. Hiện tại anh L đang sinh sống tại Công hòa Séc Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T là đúng thẩm quyền. chị T và anh L đều có bản tự khai trình bày quan điểm và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án không phải tiến hành lấy lời khai của các đương sự và không phải ủy thác tư pháp ; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2016, anh L sang Cộng hòa Séc để làm việc nên hai vợ chồng không được

gần nhau, tình cảm lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng, không tìm được tiếng nói chung. Cả hai bên đều thừa nhận không thể hàn gắn được Hơn nữa anh chị lại sống xa cách nhau nên cơ hội hàn gắn là rất khó khăn, cả hai anh chị cùng nhất trí ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh L có 2 con chung là Phạm Duy A sinh ngày 30/08/2014, Phạm Thị B sinh ngày 25/09/2015 hiện đang ở với chị T.

Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần chấp nhận giao 2 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chị T tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Khi nào cần thiết chị T có quyền khởi kiện yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Phạm Duy L.

[2] Về con chung: Xử giao 2 con chung là Phạm Duy A sinh ngày 30/8/2014, Phạm Thị B sinh ngày 25/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị T, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005026 ngày 16/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- UBND xã D
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Toàn Nghĩa